

NHƯ NINH NGUYỄN HỒNG DŨNG- THĂNG HOA CUỘC ĐỜI.

THĂNG HOA CUỘC ĐỜI

Kỳ 140 Qua Sông Bè

Như Ninh Nguyễn Hồng Dũng

Trong pháp hội thù thắng tại thành Tỳ Da Ly nơi đức Thích Tôn cùng đại chúng Thanh văn, Bồ Tát quang lâm giảng bày pháp vi diệu thì bấy giờ Cư sĩ Duy Ma Cật thị hiện mang bệnh. Bệnh ấy không phải do nghiệp báo thông thường, mà là phương tiện thiện xảo nhằm khai thị Chánh pháp sâu xa cho hàng hữu học và vô học. Trước đó, khi Phật lần lượt sai các vị đại Thanh văn đến thăm bệnh, tất cả đều khéo bạch rằng mình không đủ năng lực, vì từng bị Cư sĩ Duy Ma Cật dùng trí tuệ Đại thừa phá tan những chấp trước vì thế nơi tự chứng và pháp tu.

Giờ đây, đức Phật chuyển sang yêu cầu các vị Bồ Tát là những bậc đã phát tâm rộng lớn, hành đạo lợi sinh đang đến thăm bệnh cư sĩ. Tuy nhiên, điếu kỳ diệu thay là từng vị Bồ Tát cũng lần lượt bạch Phật xin được từ chối, không phải vì thoái tâm hay bất kính mà vì tự nhận thấy trí tuệ và phương tiện của mình vẫn chưa thể sánh kịp với biện tài và thần lực bất khả tư nghĩ của Cư sĩ Duy Ma Cật.

Trước hết, Phật bảo Bồ Tát Di Lặc thay Ngài đến thăm bệnh. Di Lặc là vị Bồ Tát được thọ ký sẽ thành Phật trong tương lai liền bạch rằng mình không đủ năng lực; rồi ngài kể lại một nhân duyên sâu xa rằng, thuở ấy khi đang ở cung trời Đâu suýt giảng pháp cho chư thiên vô hạn bất chợt chuyển, Cư sĩ Duy Ma Cật bỗng hiện đến và nêu câu hỏi xoay quanh vào gốc rễ của mọi chấp trước về thời gian và chứng đắc.

Cư sĩ Duy Ma Cật hỏi rằng, sự thọ ký của Phật dành cho Di Lặc là nhắm vào đời nào? Nếu là quá khứ thì quá khứ đã diệt; nếu là vị lai thì chưa đến; nếu là hiện tại thì hiện tại không dừng trụ. Ngay nơi một sát na, sinh, già, diệt đã đang thời

hiện hữu; vậy thì lấy gì làm chỗ đứng cho sự thọ ký? Nếu nói vô sinh mà được thọ ký, thì trong vô sinh vốn không có kẻ được thọ ký, cũng không có pháp để chứng được. Xa hơn nữa, Cư sĩ Duy Ma Cật còn bày rằng Như tánh vốn không sinh không diệt, không hai không khác; đã là

Như thì hết thảy chúng sinh, hết thảy pháp, hết thảy Hiền Thánh đều đồng một thể. Nếu Di Lặc được thọ ký thì cũng đồng nghĩa với việc tất cả chúng sinh đều được thọ ký chăng?

Lời khai thị này không nhằm phê nhận hạnh nguyện của Bồ Tát Di Lặc, mà để phá tan tận gốc ý niệm về một “người riêng biệt” chứng được chánh giác. Bồ đề không phải là quả vị để nắm bắt bằng thân hay tâm, mà chính là tịch diệt các tướng, là mọi phân biệt đối đãi bởi Bồ đề là bất nhị, bình đẳng như hư không, vô vi, vô thọ, vô xứ, vô tướng; là trí liễu tri tâm hành của hết thảy chúng sinh mà không rơi vào hội hiệp hay phân ly. Khi Cư sĩ Duy Ma Cật giảng xong pháp này, hai trăm thiên tử chứng được vô sinh pháp như vậy. Tự thảy mình chưa thể thâm nhập cảnh giới này, Bồ Tát Di Lặc xin được miễn thăm bệnh.

Kể đó, Phật gọi Quang Nghiêm Đồng Tử thì vị này cũng bạch rằng mình không đủ năng lực. Quang Nghiêm lại liền gặp Cư sĩ Duy Ma Cật nơi cửa thành Tỳ Da Ly. Khi được hỏi từ đâu về, Cư sĩ Duy Ma Cật đáp: “Từ đạo tràng về.”

Nhưng khi được hỏi đạo tràng ở đâu, ông đã khai mở một chân lý làm rung động tận gốc mọi quan niệm hình thức: đạo tràng không phải là một nơi chốn vật lý, mà chính là toàn bộ đời sống tinh thức của Bồ Tát. Tâm chính trực là đạo tràng; tâm bất động là đạo tràng; bất trí, tri giới, nhàn nhục, tinh tấn, thiện định, trí tuệ đều là đạo tràng. Từ, bi, hỷ, xả là đạo tràng; phiền não, chúng sinh, tất cả pháp cũng đều là đạo tràng, nếu được thấy bằng trí tuệ vô ngã và tính không. Ngay cả ba cõi sinh tử cũng là đạo tràng, vì Bồ Tát không còn chỗ để đi, cũng không còn nơi để trụ.

Từng bước chân của Bồ Tát, nếu tương ứng Ba la mật và lợi ích hữu tình thì đều từ đạo tràng mà đến, đều an trú trong Pháp

Phật. Lời pháp ấy khiến năm trăm trời người phát tâm cầu giác ngộ vô thượng nên Quang Nghiêm con tự thấy mình chưa đạt được cái nhìn viên dung ấy nên con xin từ chối.

Tiếp theo, Phật bảo Trì Thập Bát đi thăm bệnh thì Trì Thập cũng bạch rằng mình không đủ năng lực, rồi thuật lại câu chuyện Ma Ba Tuần giả dạng Đệ Thích mang theo mười hai ngàn thiên nữ đến cám dỗ. Khi Trì Thập còn đang phân biệt và khước từ theo giới luật hình tướng thì ngay lúc đó Cư sĩ Duy Ma Cật đã xuất hiện, chỉ rõ đó là ma, rồi dùng chính phương tiện nghịch thường để hàng phục ma và hóa độ các thiên nữ.

Cư sĩ Duy Ma Cật chứng những không bị nhiễm trước bởi sắc dục, mà còn khiến các thiên nữ phát tâm Bồ đề, biết quay lưng với ngũ dục để tìm niềm vui nơi Chánh pháp. Cư sĩ ấy giảng cho họ rằng là “vui trong Pháp” do vui vì tín Phật, văn Pháp, hộ Tăng; vui vì đoạn trừ tham dục, thấy rõ ngũ uẩn như kẻ thù, biến đại như rạn độc; vui vì nhàm chán phiền não, trang nghiêm Phật độ, thành tựu vô lượng công đức. Cao hơn nữa, Ngài còn dạy pháp môn “Vô tận đẳng” tức ánh sáng giác ngộ của một Bồ Tát có thể soi sáng vô lượng ngọn đèn khác mà không hề suy giảm. Thấy rõ trí tuệ và phương tiện ấy nên Trì Thập biết mình chưa thể sánh kịp nên con xin từ chối.

Sau đó, Phật gọi Thiện Đức, con trai một vị trưởng giả thì Thiện Đức cũng bạch rằng mình không đủ năng lực. Anh kể lại việc từng tổ chức một đại hội Bồ thí sư xuất bảy ngày để cúng dường khắp mọi tầng lớp. Nhưng Cư sĩ Duy Ma Cật đã đến và chỉ rõ rằng, đó chỉ là tài thí, chưa phải đại hội chân thật. Đại hội chân thật là Pháp thí, là trong một niệm mà khi thấy được tâm Bồ đề, từ, bi, hỷ, xả; là hành lục Ba la mật, tứ nhiếp pháp, tam giải thoát môn; là lìa bỏ vô ngã, vô tướng, vô tác làm nên; là vì lợi ích chúng sinh mà khi nghiệp trí và nghiệp tuệ.

Pháp thí ấy không phân trước sau, không chọn đối tượng, không cầu báo đáp. Người an trú nơi Pháp thí là đại thí chủ, là ruộng phước tối thượng của thế gian. Khi Cư sĩ Duy Ma Cật thị hiện đem vòng trân châu chia cho người hành khất nghèo khổ và

cúng dường Như Lai thì tất cả đại chúng đều thấy rõ là bậc thí với tâm bình đẳng, vô cầu, chính là đồng với công đức của Phật. Ngay cả người ăn xin thấp hèn nhất cũng phát tâm Bồ đề. Chứng kiến và nghe pháp như vậy nên Thiện Đức biết mình chưa đạt được chiều sâu ý nên con xin từ chối.

Cuối cùng, tất cả các Bồ Tát đều lần lượt bạch Phật rằng họ không đủ năng lực đi thăm bệnh Cư sĩ Duy Ma Cật. Điều này không làm giảm uy đức của các Ngài, mà trái lại, làm hiển lộ trọn vẹn dụng ý sâu xa của phẩm kinh rằng, Cư sĩ Duy Ma Cật không đại diện cho một cá nhân vượt trội, mà là biểu tượng sống động của trí tuệ Bồ đề và hạnh Bồ Tát nhập thế.

“Bệnh” của Cư sĩ Duy Ma Cật chính là tấm gương soi chiếu mọi chướng trước vì thế còn ẩn tàng nơi hàng tu học vì còn chướng thời gian, chướng chứng đắc, chướng đạo tràng, chướng bậc thí, chướng thanh tịnh. Khi những chướng ấy được tháo gỡ, thì bệnh và thuốc đều không còn. Đó chính là tinh thần bất kỳ tư nghi của Đại thừa: lấy phương tiện làm của ngõ, lấy trí tuệ làm cứu cánh, và lấy đại bi làm nhịp cầu đưa tất cả chúng sinh cùng đi vào con đường giác ngộ viên mãn.

T

oàn bộ Kinh nêu bật vị trí siêu việt của trí tuệ Bồ tát đạo được thể hiện nơi cư sĩ Cư sĩ Duy Ma Cật hậu phá chướng hình tướng, địa vị và ngôn ngữ trên con đường giác ngộ. Khi Phật yêu cầu các vị Thanh văn đi thăm bệnh, họ đều từ chối vì từng bị Cư sĩ Duy Ma Cật chỉ ra rằng giới thoát không nằm ở hình thức tu tập, vai trò hay số đức cá nhân. Đến lượt các

Bồ Tát, tuy ở địa vị cao hơn, các Ngài cũng lần lượt từ chối bởi chính họ đã từng bị Cư sĩ Duy Ma Cật khai thị pháp sâu xa vượt ngoài đối đãi, phân biệt. Quả vị Bồ đề không phải là một cái gì đó chứng đắc, vì nếu còn thấy “ta chứng” thì chưa phải Bồ đề. Giác ngộ chân thật vốn là Bồ đề, nên ở nơi tự tâm chứ không phải một đối tượng ở bên ngoài để tìm kiếm hay chiêm hữu. Khi còn khởi niệm “ta đang tu”, “ta đã chứng”, thì cái “ngã” vì thế vẫn còn hiện diện, mà nơi nào còn ngã thì nơi đó

chưa th^h là giác ngộ viên mãn. B^h đ^h ch^h hi^hn lộ khi mọi ch^hp trước v^h người tu, pháp tu và qu^h chúng đ^hu buông rơi; lúc ^hy không có k^h chứng đ^hc, cũng ch^hng có pháp đ^h được chứng mà ch^h còn trí tuệ sáng su^ht tự nhiên hiện ti^hn.

T^ht c^h pháp đ^hu là “N^hu” nên không có người được thọ ký riêng l^h, không có chúng sinh nào thật sự sinh hay diệt b^hi mọi hiện tượng đ^hu đ^hng một tánh chân thật, không sai khác trong b^hn th^h. Vì đã là N^hu nên không có pháp nào cao th^hp đ^h phân biệt, cũng không có một cá nhân riêng l^h nào được thọ ký theo nghĩa tuyệt đ^hi. Cái gọi là chúng sinh diệt hay sanh ch^h là hiện tượng do duyên tan duyên hợp như sóng n^hi r^hi lặn trên mặt nước. B^hn tánh N^hu c^ha các pháp thì chưa từng sinh, cũng chưa từng diệt, luôn lặn lẽ thường trụ.

Đạo tràng không ^h một nơi ch^hn, mà chính là nơi tâm hành chánh trực, nơi m^hi hành động lợi tha đ^hu là Phật sự, nó không bị giới hạn b^hi chùa chi^hn hay không gian vật lý, mà được thi^ht lập ngay nơi tâm ngay th^hng, không tà vạy, không vụ lợi. Khi tâm hành chánh trực, m^hi lời nói, việc làm đ^hu thuận với chánh pháp. Lúc ^hy, đi đứng nằm ng^hi đ^hu là tu, ti^hp người x^h việc đ^hu là hành đạo. B^ht cứ hành động nào kh^hi từ lòng từ bi, trí tuệ và lợi ích cho người khác, thì hành động ^hy chính là Phật sự. Đạo tràng vì th^h hiện diện kh^hp nơi, theo từng bước chân c^ha người t^hnh thức.

Pháp thí vượt trên tài thí vì ch^h khi khai m^h trí tuệ và tâm B^h đ^h cho người khác thì phước đức mới viên mãn. Pháp thí là đem chánh pháp, hi^hu bi^ht đúng đ^hn và con đường t^hnh thức chia s^h cho người khác, giúp họ tự chuyển hóa kh^h đau từ g^hc r^h. Tài thí ch^h gi^hi quy^ht nhu c^hu trước m^ht, còn Pháp thí khai m^h trí tuệ, nuôi lớn tâm B^h đ^h khi^hn người nhận có kh^h năng tự vượt thoát sinh t^h và ti^hp tục lợi ích cho nhi^hu người khác. Khi trao truyền ánh sáng hi^hu bi^ht, người cho không m^ht mà phước càng sâu dày. Vì vậy mà pháp thí được xem là vượt trên tài thí, đưa phước đức đ^hn ch^h lâu dài và viên mãn.

Ma và Phật không ^h ngoài tâm, n^hu có trí tuệ và phương tiện thì ngay nơi c^hnh ma cũng hóa độ chúng sinh b^hi vì Ma và Phật

không phải hai thực thể đối lập ở bên ngoài, mà đều phát sinh từ tâm con người. Khi tâm mê lầm, tham chấp thì cảnh hiện ra thành ma; khi tâm sáng suốt, từ bi thì ngay hoàn cảnh ấy liền hiện Phật đạo. Người có trí tuệ thấy rõ bản chất các pháp, lại có phương tiện thiện xảo, sẽ không sợ cảnh ma, mà dùng chính nghịch duyên để giáo hóa chúng sinh.

Vì vậy, không cần trốn tránh hay tiêu diệt, chỉ cần chuyển hóa tâm, thì nơi nào cũng có thể thành đạo tràng. Niềm vui chân thật là vui trong chánh pháp, không phải trong dục lạc hay phước báu hữu lậu. Niềm vui chân thật không lệ thuộc vào cảm giác khoái lạc hay phước báu đời sau, vì những thứ ấy đều vô thường và dẫn đến tham chấp.

Vui trong Chánh pháp là niềm vui của sự hiểu biết, buông xả và an ổn nội tâm. Khi sống đúng chánh kiến, chánh niệm, chánh hạnh, tâm nhẹ nhàng, không bị lôi kéo bởi được mất hơn thua. Niềm vui ấy không làm người say đắm mà càng khiến trí tuệ sáng hơn, từ bi lớn hơn, và tự do hơn trước mọi biến động của cuộc đời. Việc tốt của Bồ Tát đều từ chỗ đi thăm bệnh Cư sĩ Duy Ma Cật không nhằm tôn vinh cá nhân cư sĩ mà để làm nổi bật tinh thần then chốt của kinh này rằng, trí tuệ giác ngộ không bị giới hạn bởi hình thức xuất gia hay tại gia. Cư sĩ Duy Ma Cật dùng bệnh làm pháp môn, dùng đời sống thế tục để hiển bày đạo lý sâu xa khiến hàng Bồ Tát nhận ra chỗ còn chấp pháp, chấp vai trò của mình; qua đó khẳng định rằng giác ngộ chân thật nằm ở trí tuệ và tâm vô ngã, không ở địa vị hay hình tướng.

Chân lý tối hậu, như phẩm kinh này khéo hiển bày, không phải là điều có thể đạt được bằng sự tích lũy tri thức, bằng công phu tu tập hình tướng hay bằng bất cứ danh xưng thánh thiện nào, bởi họ còn thấy có cái để nắm bắt, có người để thành tựu, thì chân lý vẫn còn bị che mờ vì đối đãi. Chân lý chỉ hiển lộ khi tâm an trụ trong trí tuệ bất nhị nơi không còn phân chia phàm và thánh, bệnh và lành, sinh tử và Niết-bàn... và khi lòng đại bi vận hành một cách tự nhiên, không điều kiện, không cầu báo đáp.

Trong ánh sáng ấy, “bệnh” của Cư sĩ Duy Ma Cật không còn là một trạng thái thân xác, mà trở thành một pháp môn sống động. Ông mượn thân bệnh để làm tấm gương soi chiếu lại căn bệnh tiềm kín của người tu văn hay chấp vào pháp mình hành, chấp vào cái “ta” đang tu, và chấp vào quí chứng mà mình mong đạt. Chính những chấp thủ vi tế ấy mới là nguên gốc khiến đạo chưa viên mãn, trí chưa rõt ráo, bi chưa trọn vẹn.

Khi trí tuệ soi thấu, người tu nhận ra rằng bệnh văn không thật có, thuốc cũng chỉ là phương tiện. Pháp như ghe thuyền dùng để qua sông thì không nên đội trên đầu; đến bờ rồi, cần bệnh liền thuốc đều buông xuống thì lúc ấy, không còn người dạy, kẻ học; không còn người bệnh, kẻ thăm mà chỉ còn sự tĩnh thức lặng lẽ, viên dung, đang hiện hữu ngay giữa đời sống thường nhật. Đó chính là ý nghĩa rõt ráo mà kinh này muốn trao truyền rằng, sống đạo ngay trong đời, giác ngộ ngay trong vô thường, và giải thoát ngay khi mọi chấp trước đều tan biến.

Nguyện đem những lời này, hướng đến tất cả vạn loài, mong chúng sanh khắp vũ trụ đều an vui, giải thoát.

Như Ninh Nguyễn Hồng Dũng

1-1-2026